

Số: 15/2025/QĐST-LĐ

TP. Thái Bình, ngày 29 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Hoàng Thị Minh Phương.

Thư ký phiên họp: Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên họp: Ông Bùi Quang Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 04/2025/TLST-LĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 15/2025/QĐST-LĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Đoàn Thị Minh L, sinh năm 1993

Nơi cư trú: thôn V, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Công ty TNHH P

Địa chỉ: Lô T, đường T, khu công nghiệp P, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2.2. Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Bình

Địa chỉ: Số G, đường L, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mạc Thanh H – Phó giám đốc

2.3. Chị Đoàn Thị N, sinh năm 1990

Nơi cư trú: thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG:

** Người yêu cầu - chị Đoàn Thị Minh L trình bày:*

Năm 2009 chị ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P. Tuy nhiên, do chưa đủ tuổi ký hợp đồng lao động nên chị đã mượn chứng minh thư nhân dân của chị họ là Đoàn Thị N để ký hợp đồng lao động với Công ty. Vì vậy, trên thực tế chị là người ký hợp đồng và làm việc tại Công ty nhưng trong hợp đồng lao động giữa chị và Công ty lại thể hiện người lao động tên Đoàn Thị N (là tên chị họ của chị) và S bảo hiểm xã hội của chị đóng thời gian này mang tên chị họ là Đoàn Thị N, số sổ bảo hiểm TZ 45564473. Chị làm việc từ tháng 02/2009 đến tháng 4/2009 thì nghỉ việc tại Công ty TNHH P. Tuy nhiên về sổ bảo hiểm TZ 45564473 mang tên chị họ chị là Đoàn Thị N nhưng người lao động thực tế là chị thì chưa được giải quyết.

Đến nay chị Đoàn Thị Ngọc M làm thủ tục chốt sổ bảo hiểm thì được Bảo hiểm xã hội tỉnh T thông báo có nhiều sổ bảo hiểm xã hội mang tên Đoàn Thị N do đó chưa thể xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của chị N được. Để đảm bảo quyền lợi của chị và chị Đ, chị đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký kết giữa người lao động là chị Đoàn Thị N (nhưng do chị là người ký kết) và Công ty TNHH P trong thời gian từ tháng 02/2009 đến tháng 4/2009 vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bảo hiểm xã hội tỉnh T trình bày:*

Thời gian đóng BHXH, BHYT, BHTN của chị Đoàn Thị N từ tháng 02/2009 đến tháng 4/2009 tại Công ty TNHH P theo sổ BHXH số TZ45564473 là 03 tháng (chưa hưởng BHXH một lần và chưa hưởng trợ cấp thất nghiệp). Việc chị Đoàn Thị N cho chị Đoàn Thị Minh L mượn hồ sơ để giao kết hợp đồng và đóng BHXH, BHYT, BHTN; nay chị Đoàn Thị Minh L đề nghị tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa chị Đoàn Thị Minh L (lấy tên là Đoàn Thị N) với Công ty TNHH P trong khoảng thời gian từ tháng 02/2009 đến tháng 4/2009 là vô hiệu, Bảo hiểm xã hội tỉnh T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – công ty TNHH P trình bày:* Đối với yêu cầu của chị Đoàn Thị Minh L đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký kết giữa người lao động là chị Đoàn Thị N (do chị L là người ký kết) và Công ty TNHH P trong thời gian từ tháng 02/2009 đến tháng 4/2009 vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu; Công ty đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Công

ty đã cung cấp cho Tòa án Hợp đồng lao động ký kết ngày 01/02/2009 giữa công ty và chị Đoàn Thị Minh L (lấy tên Đoàn Thị N). Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2009 đến tháng 4/2009 Công ty đã đóng cho người lao động Đoàn Thị Minh L (sổ bảo hiểm xã hội mang tên Đoàn Thị N) số tiền bảo hiểm xã hội là 1.120.000 đồng, người lao động đóng 235.200 đồng.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - chị Đoàn Thị N trình bày:*

Năm 2009, em họ chị là Đoàn Thị Minh L do chưa đủ tuổi ký hợp đồng lao động nên đã mượn chứng minh thư nhân dân của chị để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH P. Vì vậy, mặc dù trên thực tế chị L là người ký hợp đồng và làm việc tại Công ty TNHH P nhưng tại hợp đồng lao động lại thể hiện người lao động tên Đoàn Thị N (là tên chị) và S bảo hiểm xã hội của chị L đóng thời gian này mang tên Đoàn Thị N, số sổ bảo hiểm TZ 45564473. Đến nay, khi chị muốn làm thủ tục thanh toán trên sổ bảo hiểm xã hội thì được cơ quan bảo hiểm trả lời chị có nhiều sổ bảo hiểm xã hội trong đó có 01 sổ bảo hiểm, số sổ TZ 45564473 tham gia bảo hiểm xã hội tại công ty TNHH P trong thời gian từ tháng 02/2009 đến tháng 4/2009 do đó Bảo hiểm xã hội chưa xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của chị được. Chị đồng ý với yêu cầu của chị L và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho các chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình căn cứ vào Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 15, Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của chị Đoàn Thị Minh L, tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH P và chị Đoàn Thị N (do chị Đoàn Thị Minh L ký) trong thời gian từ tháng 02/2009 đến tháng 4/2009 vô hiệu toàn bộ. Chị Đoàn Thị Minh L và chị Đoàn Thị N có quyền liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh T để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân Đoàn Thị N thành Đoàn Thị Minh L. Chị L phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Người yêu cầu gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người lao động ký Hợp đồng lao động với Công ty TNHH P có địa chỉ tại thành phố T, tỉnh Thái Bình. Căn cứ điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Về việc áp dụng pháp luật: Hợp đồng lao động mà chị Đoàn Minh L yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu được ký kết vào năm 2009 khi Bộ luật Lao động năm 1994 đang có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, do Bộ luật Lao động năm 1994 không có điều luật quy định về hợp đồng lao động vô hiệu. Do đó Tòa án căn cứ các quy định tại Bộ luật Lao động năm 2012 và năm 2019 để giải quyết yêu cầu của chị Đoàn Minh L1 trong việc dân sự này.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu của chị Đoàn Thị Minh L đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký kết giữa chị L (mang tên chị Đoàn Thị N) với Công ty TNHH P trong thời gian từ tháng 02/2009 đến tháng 4/2009 vô hiệu thì thấy:

Việc chị Đoàn Thị Minh L mượn giấy chứng minh thư nhân dân của chị Đoàn Thị N để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH P là vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị Đoàn Thị Minh L, tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký kết giữa người lao động là chị Đoàn Thị N và Công ty TNHH P trong thời gian từ tháng 02/2009 đến tháng 4/2009 vô hiệu.

[2.2] Đối với yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ: mặc dù việc ký kết hợp đồng lao động giữa chị Đoàn Thị Minh L (chị L đã sử dụng giấy tờ cá nhân của chị N để ký hợp đồng lao động) với Công ty TNHH P đã có sự lừa dối, không trung thực ngay từ thời điểm ký kết nhưng trên thực tế chị L có làm việc tại công ty, có đóng bảo hiểm xã hội và quá trình làm việc công ty có đóng bảo hiểm cho chị L (mang tên chị Đoàn Thị N, số sổ bảo hiểm xã hội TZ 45564473). Do vậy cần điều chỉnh tên Đoàn Thị

N trên Sổ bảo hiểm xã hội số TZ 45564473 thành Đoàn Thị Minh Luyến để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động. Chị Đoàn Thị N và chị Đoàn Thị Minh L có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh T để làm thủ tục điều chỉnh thông tin từ Đoàn Thị N thành Đoàn Thị Minh L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 367, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 49, Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của chị Đoàn Thị Minh L.

1. Tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH P và chị Đoàn Thị Minh L (mang tên chị Đoàn Thị N) trong thời gian từ tháng 02 năm 2009 đến tháng 4 năm 2009 là vô hiệu.

2. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Điều chỉnh thông tin nhân thân sổ sổ bảo hiểm xã hội TZ 45564473 từ Đoàn Thị N, sinh ngày 02/10/1990, số chứng minh nhân dân 151795840 thành Đoàn Thị Minh Luyến, sinh ngày 29/6/1993, căn cước công dân số 034193001809 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/4/2021. Các chị Đoàn Thị Minh L, Đoàn Thị N có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh T để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân từ Đoàn Thị N thành Đoàn Thị Minh L.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Đoàn Thị Minh L phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000108 ngày 27/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình thành tiền lệ phí.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định này.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Bình;

- Người yêu cầu;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Hoàng Thị Minh Phương